

BÀN VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LÃI SUẤT vốn vay ngân hàng nhằm chống suy giảm kinh tế

TS. Hoàng Xuân Quế (*)

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, sau gần 2 tháng triển khai, tính đến ngày 26-3-2009, các NHTM đã đạt dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất là 178.722 tỷ đồng, chiếm 29,99% tổng dư nợ cho vay ngắn hạn nền kinh tế cùng thời điểm; trong đó dư nợ của các NHTM nhà nước và Quý tín dụng Trung ương là 133.602 tỷ đồng, các NHTM cổ phần đạt 37.265 tỷ đồng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và Ngân hàng liên doanh đạt 7.559 tỷ đồng, Công ty tài chính 296 tỷ đồng. Đây thực sự là kết quả đáng khích lệ sau một thời gian ngắn triển khai, chính sách này.

Ngân hàng Nhà nước cũng công bố công khai tỷ trọng cho vay các đối tượng khách hàng, như doanh nghiệp nhà nước chiếm 36%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 60%, còn lại là HTX và hộ gia đình. Đồng thời NHNN cũng cho biết rõ tỷ trọng dư nợ theo vùng kinh tế, cụ thể vùng Đông Nam bộ chiếm 40,4%, vùng đồng bằng sông Cửu Long chiếm 20,5%, vùng đồng bằng sông Hồng chiếm 19,7%, vùng duyên hải miền Trung chiếm 9,5%, vùng Đông Bắc 5,4%, vùng Tây Nguyên 2,2%...

Việc công bố thông tin nói trên thể hiện tính minh bạch, giải đáp một phần sự quan tâm của dư luận. Bởi vì đã có ý kiến cho rằng, chính sách kích cầu lãi suất, các NHTM Nhà nước chiếm tỷ trọng cho vay lớn nhất nên chủ yếu số vốn đã giải ngân hỗ trợ lãi suất là các doanh nghiệp nhà nước được hưởng! Nhưng qua công bố thông tin của NHNN thì thực tế không phải là như vậy, mà các doanh nghiệp

nhà nước chỉ chiếm hơn 1/3 số vốn đã cho vay về một góc độ nào đó thì tỷ trọng số vốn đó chưa phải là nhiều. Song nếu như đối tượng đầu tư hướng đến là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, là hộ sản xuất, là vốn lưu động và tương quan số lượng doanh nghiệp trong nền kinh tế thì rõ ràng số vốn đã cho vay doanh nghiệp nhà nước trong chương trình kích cầu lãi suất là có tỷ trọng cao.

Vấn đề đáng quan tâm thứ hai đó là trong bối cảnh suy giảm kinh tế, tiêu thụ vật tư, hàng hoá khó khăn, xuất khẩu giảm,... nhưng chỉ trong chưa đầy 2 tháng, số vốn giải ngân đã tăng tới gần 20% so với tổng dư nợ cho vay đối với nền kinh tế, trong khi đó cả năm 2008 mới chỉ tăng khoảng 21-22%. Nếu như cộng số vốn giải ngân mới đó với cả dư nợ cho vay ngắn hạn bằng ngoại tệ, dư nợ cho vay trung dài hạn không thuộc phạm vi hỗ trợ lãi suất thì tín dụng đến nay đã tăng bao nhiêu, chắc chắn

là vượt mức trên 20%. Một mức tăng lớn như vậy không thể không nói là tăng quá nóng.

Vậy vấn đề gì nảy sinh khi một thời gian ngắn vốn cho vay tăng trưởng nóng như vậy!

Thứ nhất, tiềm ẩn nguy cơ lạm phát trong nền kinh tế. Tiền ra nhiều trong thời gian ngắn nhưng chuyển động của sản xuất kinh doanh, của nền kinh tế chưa thấy gì rõ rệt. Một số ý kiến thì nói nền kinh tế bắt đầu có xu hướng ngừng suy giảm, ý kiến khác thì cho rằng có dấu hiệu tăng trưởng. Theo số liệu của Văn phòng Chính phủ, quý I - 2009, tăng trưởng kinh tế của cả nước chỉ đạt 3,1%, mức thấp nhất trong nhiều năm qua và thấp rất xa so với mức 7,4% cùng kỳ năm ngoái. Một số địa phương công bố cho thấy tốc độ tăng trưởng đã giảm mạnh nhưng vẫn có mức độ khá, nhưng cũng ở mức thấp trong nhiều năm.

Chỉ số CPI trong tháng 3-2009 giảm 0,17%, trong một góc độ nào đó cũng cho thấy sức mua giảm, cầu chưa được kích, hay

* Đại học Kinh tế quốc dân

chưa tăng mà còn giảm. Qua 3 tháng CPI chỉ tăng 1,32% so với tháng 12-2008; trong đó tháng 1-2009 tăng 0,32%, tháng 2-2009 tăng 1,17%,...

Kim ngạch xuất khẩu quý I - 2009 sau khi trừ đi kim ngạch xuất khẩu vàng và đá quý là 1,3 tỷ USD thì lại giảm tới 14,7%.

Nhìn về diễn biến các chỉ số kinh tế nói trên, cũng như kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, nhìn vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của hộ nông dân, tình trạng giảm việc làm của không ít doanh nghiệp thì có thể thấy nền kinh tế chưa chuyển động tương ứng với số vốn tín dụng hỗ trợ lãi suất đã giải ngân lớn nói trên. Tất nhiên là để khẳng định hiệu quả thực sự tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng và việc làm còn chờ đợi mới có thể thấy rõ ràng, tức là phải có độ trễ, ít nhất là 6 tháng, nhưng ít ra sau hơn 2 tháng chúng ta đã phải thấy những tín hiệu tích cực ban đầu của nó!

Thứ hai, tình trạng đảo nợ vốn vay của chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất. Số tiền cho vay hỗ trợ lãi suất nói trên là con số giải ngân cho vay mới, cách tính về mức tăng nói trên của bài viết chỉ mang tính chất tương đối, còn thực tế đến nay tổng dư nợ cho vay nền kinh tế của hệ thống ngân hàng chính xác đã tăng bao nhiêu so với tổng dư nợ thời điểm 31-12-2008, hoặc hết tháng 1-2009, trước khi thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, thì chưa thấy công bố. Nếu công

bố cụ thể và chính xác con số này thì có thể nhận thấy rõ hơn tình trạng đảo nợ. Bởi vì nếu như tổng dư nợ nền kinh tế tăng không đáng kể, hoặc mức tăng thấp, chắc chắn tình trạng đảo nợ ở mức độ đáng quan tâm đã xảy ra. Một nghiên cứu khác đã được công bố cho hay, số vốn đã giải ngân cho vay hỗ trợ lãi suất đến nay tăng ứng với mức tăng 12% so với tổng dư nợ cuối năm 2008, nhưng dự báo thực sự chỉ tăng khoảng 2,8% - 3,0%. Tại Hà Nội, ước tính đến hết tháng 3-2009, tổng dư nợ cho vay đạt 276.156 tỷ đồng, chỉ tăng 4,04% so với cuối năm 2008. Kết quả đó cũng đưa ra kết luận: số tiền cho vay hỗ trợ lãi suất hầu hết không được sử dụng cho sản xuất như mong muốn của Chính phủ mà hầu hết quay trở lại hệ thống các NHTM.

Cho đến nay mọi thông tin chính thức từ cơ quan chức năng thì đều nói là chưa phát hiện ra trường hợp tiêu cực, chưa phát hiện ra trường hợp đảo nợ. Nhưng nếu nhìn vào việc chu chuyển và tăng trưởng vốn vay hỗ trợ lãi suất việc đặt vấn đề của dư luận, của các nhà nghiên cứu không thể bỏ qua.

Việc đảo nợ có thể diễn ra như thế nào? Có thể qua các hướng sau đây:

Một là, các doanh nghiệp, khách hàng thông đồng với nhau, cho nhau mượn tiền trả nợ khoản vay cũ. Sau đó doanh nghiệp này vay lại khoản vay mới tại chính ngân hàng hay chi nhánh ngân hàng đó, hoặc vay

ngân hàng khác, chi nhánh ngân hàng khác để trả nợ khoản vay cho doanh nghiệp kia đã cho mình vay. Cách làm này khó có thể nói là không có. Bởi vì thanh tra của Ngân hàng Nhà nước rất khó phát hiện ra, nếu doanh nghiệp trả nợ bằng tiền mặt rồi thông qua đó có hợp đồng mua bán lẫn nhau,... thì càng khó phát hiện. Hoặc có phát hiện thì thanh tra Ngân hàng Nhà nước cũng không thể xử lý Ngân hàng cho vay được vì có khi khoảng thời gian trả nợ trước hạn và vay lại cách xa nhau, hồ sơ vay vốn đầy đủ thủ tục theo quy định.

Hai là, thông qua một công ty đứng ra làm trung gian dịch vụ tài chính. Công ty này tìm nguồn tiền cho một doanh nghiệp, một khách hàng có khoản nợ ngân hàng thương mại mượn tiền để trả nợ ngân hàng trước hạn, sau đó doanh nghiệp vay ngân hàng trả nợ cho công ty làm dịch vụ tài chính kia. Để được mượn tiền trả nợ ngân hàng, tất nhiên doanh nghiệp phải trả cho Công ty làm dịch vụ tài chính kia khoản phí hay lãi suất không phải là nhỏ, nhưng tính ra doanh nghiệp đảo nợ vẫn có lợi hơn là duy trì món nợ cũ có lãi suất cao.

Ba là, cán bộ ngân hàng và doanh nghiệp thông đồng với nhau để đảo nợ. Việc đảo nợ này có thể được thực hiện trực tiếp qua việc làm hồ sơ với đầy đủ các thủ tục. Điều này có thể xảy ra ở các chi nhánh nhỏ, phòng giao dịch,...nhưng có lẽ rất hiếm hoi vì dễ bị phát hiện bởi thanh tra NHNN và cán bộ ngân hàng

cũng sợ quy trách nhiệm. Để tránh bị quy trách nhiệm, tránh phát hiện, cán bộ tín dụng, cán bộ ngân hàng có thể chủ động tìm nguồn tiền trả nợ cho khách hàng, nhưng chỉ có thể xảy ra đối với các món vay không lớn, thường vài triệu đồng, vài chục triệu đồng, hoặc vài trăm triệu, thậm chí là vài tỷ đồng. Còn những món vay lớn vài chục tỷ đồng thì rất khó.

Vay đảo nợ là tốt hay xấu!

Đào nợ theo quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực chuyên ngành thì không được phép. Nhưng thực tế, nhất là trong bối cảnh hiện nay thì không phải tất cả các trường hợp đảo nợ đều là xấu!

Nếu như doanh nghiệp đứng trên bờ vực phá sản, kinh doanh thua lỗ, năng lực tài chính yếu, quản trị điều hành kém, đầu ra của sản phẩm và dịch vụ không có, không có khả năng phục hồi sản xuất kinh doanh. Theo đó đảo nợ chỉ kéo dài tình trạng “chết mà chưa chôn được”, hoặc che dấu nợ xấu trong ngân hàng. Đây rõ ràng là đảo nợ này không thể chấp nhận được, càng làm gia tăng nguy cơ rủi ro, mất vốn cho Ngân hàng thương mại.

Nhưng nếu như doanh nghiệp vay vốn trong năm 2008 tại thời điểm lãi suất cao do thắt chặt tiền tệ. Khoản vay có khi chịu đựng lãi suất tới 14 – 16%/năm, thậm chí là 21%/năm. Lãi suất đó làm cho chi phí trả lãi khoản vay quá lớn đối với doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp kinh doanh không có hiệu quả, thậm chí bị lỗ

do lãi suất cao, hoặc khó có thể duy trì sản xuất kinh doanh và tạo việc làm bình thường cho người lao động,... thì trường hợp đảo nợ này chấp nhận được. Thậm chí còn cần được khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất kích cầu đầu tư của Chính phủ.

Trường hợp thứ ba, đó là mặc dù khoản vay trước đây lãi suất theo mặt bằng lãi suất bình thường, tức là khoảng 10,5% hay 12,5%/năm của giai đoạn không còn thực hiện thắt chặt tiền tệ nữa. Nhưng trong bối cảnh khó khăn hiện nay, lãi suất đó vẫn được coi là cao, nếu được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất 4%/năm sẽ tạo cơ hội cho doanh nghiệp hoạt động tốt hơn, thì cũng cần được tạo điều kiện vay mới để được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất.

Trường hợp thứ tư đó là khoản vay có thời hạn không phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh. Nếu điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn, thì doanh nghiệp phải chịu lãi suất cao hơn và NHTM phải xếp vào nợ nhóm 2, phải trích lập dự phòng rủi ro, doanh nghiệp bị hạ thấp tiêu chuẩn xếp loại tín dụng. Trong trường hợp này thì cũng cần được tạo điều kiện cho doanh nghiệp đảo nợ để được vay vốn kỳ hạn mới cho phù hợp với thực tế chu kỳ sản xuất kinh doanh; đồng thời được hưởng lãi suất ưu đãi theo chính sách hỗ trợ của Chính phủ.

Để ngăn chặn, cũng như phát

hiện các tiêu cực xảy ra trong thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất nói chung và tình trạng đảo nợ nói riêng, Ngân hàng Nhà nước đang tập trung đẩy mạnh thanh tra việc thực hiện chính sách này. Có thể khẳng định đây là cách làm kịp thời nhằm đảm bảo vốn được cho vay đúng đối tượng, đầu tư có hiệu quả theo mục tiêu của chính sách đã đề ra. Song với khối lượng hồ sơ tín dụng phát sinh trong cho vay hỗ trợ lãi suất là rất lớn, diễn ra trên địa bàn rộng, số lượng Ngân hàng thương mại và chi nhánh NHTM, phòng giao dịch triển khai cho vay rất đông,...thì không thể thanh tra, kiểm tra đầy đủ, toàn diện được. Đặc biệt là địa bàn nông thôn rộng lớn, nằm rải rác trên địa bàn khác nhau và giao thông đi lại khó khăn. Trong khi đó số lượng cán bộ thanh tra Ngân hàng Nhà nước có hạn. Thời gian thanh tra không thể kéo dài, công việc phức tạp. Bởi vậy bên cạnh việc kiểm tra, xem xét hồ sơ cho vay, thì còn phải đến trực tiếp các khách hàng, các hộ vay vốn. Một thực tế khác không thể không tính đến tại không ít tỉnh thành phố có mối quan hệ gia đình, tình cảm, rất là những tỉnh nhỏ, vùng miền núi. Đó là bố làm Ngân hàng Nhà nước, hay làm trực tiếp tại Thanh tra NHNN, còn vợ, con anh em làm tại NHTM, chi nhánh NHTM, nơi thuộc đối tượng thanh tra. Do đó không nỡ lòng nào ghi biên bản xử lý người thân của mình. Hoặc những lý do tế nhị khác, khi thanh tra phát hiện ra chỉ nhắc nhở mà không

(Xem tiếp trang 37)

BÀN VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LÃI SUẤT... (Tiếp theo trang 29)

đưa vào biên bản, mà chỉ là rút kinh nghiệm nội bộ. Bởi vậy tính khách quan chính xác, toàn diện thực hiện và đầy đủ của công tác thanh tra là có giới hạn, chỉ có thể tiến hành làm điểm, làm đại diện, uốn nắn chấn chỉnh nội bộ, chứ không thể công bố công khai...

Do đó theo tác giả bài viết, cần nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính tự giác của các NHTM, của cán bộ tín dụng. Đồng thời những quy định nào bất hợp lý, máy móc trong đạo nợ cần được sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với thực

tiễn. Đối với 3 trường hợp “đào nợ” đề cập ở phần cuối bài viết cần được chính thức thừa nhận, được coi là giải pháp cơ cấu lại nợ cho khách hàng và tạo điều kiện cho cơ cấu lại nợ, để tránh tiêu cực xảy ra, tránh gây tổn kém cho khách hàng và tâm lý không tốt cho cả cán bộ ngân hàng. Chính sách hỗ trợ lãi suất cũng cần sớm được đánh giá đầy đủ, khách quan để có những điều chỉnh cần thiết. Được biết Chính phủ cũng đã có chỉ đạo kiểm tra lĩnh vực hỗ trợ lãi suất này. Thống đốc NHNN cũng có văn bản đề nghị chủ tịch UBND các

tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện chính sách lãi suất ở địa phương mình./.

Tài liệu tham khảo:

- Thời báo kinh tế Sài Gòn số ra ngày 26-3-2009

- Hội thảo kinh tế Việt Nam do The Economist và Báo đối ngoại Việt Nam tổ chức ở Hà Nội trung tuần tháng 3-2009

- Mạng sbv.gov.vn và một số trang Web khác của một số NHTM